TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 40/2020/QĐST- DS	

L, ngày 03 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 141/2020/TLST-DS ngày 08/10/2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1970; địa chỉ: Số X, ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

1.2. Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: Nguyễn Thanh T), sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L tỉnh Sóc Trăng.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh T (tên gọi khác: Nguyễn Thanh P), sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: Nguyễn Thanh T), sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Trần Thị Thanh T và vợ chồng bà Nguyễn Ngọc B, ông Nguyễn Thanh T thống nhất xác định: Bà B và ông T còn nợ bà T số tiền là 71.000.000đồng (Bảy mươi mốt triệu đồng); bà B và ông T cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 71.000.000đồng (Bảy mươi mốt triệu đồng) cho bà T với phương thức như sau:

- Ngày 25 tháng 12 năm 2020 bà B và ông T trả cho bà T số tiền là 5.000.000đồng (năm triệu đồng);

- Ngày 25 tháng 01 năm 2021 bà B và ông T trả cho bà T số tiền là 5.000.000đồng (năm triệu đồng);

- Ngày 25 tháng 02 năm 2021 bà B và ông T trả cho bà T số tiền là 5.000.000đồng (năm triệu đồng);

- Ngày 25 tháng 03 năm 2021 bà B và ông T trả cho bà T số tiền là 5.000.000đồng (năm triệu đồng);

- Ngày 25 tháng 04 năm 2021 bà B và ông T trả cho bà T số tiền là 5.000.000đồng (năm triệu đồng)ng;

- Ngày 25 tháng 5 năm 2021 bà B và ông T trả cho bà T số tiền là 5.000.000đồng (năm triệu đồng);

- Ngày 25 tháng 6 năm 2021 bà B và ông T trả cho bà T số tiền là 5.000.000đồng (năm triệu đồng);

- Ngày 25 tháng 7 năm 2021 bà B và ông T trả cho bà T số tiền là 5.000.000đồng (năm triệu đồng);

- Ngày 25 tháng 8 năm 2021 bà B và ông T trả cho bà T số tiền là 5.000.000đồng (năm triệu đồng);

- Ngày 25 tháng 9 năm 2021 bà B và ông T trả cho bà T số tiền là 5.000.000đồng (năm triệu đồng);

- Ngày 25 tháng 10 năm 2021 bà B và ông T trả cho bà T số tiền là 5.000.000đồng (năm triệu đồng);

- Ngày 25 tháng 11 năm 2021 bà B và ông T trả cho bà T số tiền là 5.000.000đồng (năm triệu đồng);

- Ngày 25 tháng 12 năm 2021 bà B và ông T trả cho bà T số tiền là 5.000.000đồng (năm triệu đồng);

- Ngày 25 tháng 01 năm 2022 bà B và ông T trả cho bà T số tiền là 6.000.000đồng (sáu triệu đồng).

Địa điểm giao nhận: Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Bà Trần Thị Thanh T và vợ chồng bà Nguyễn Ngọc B, ông Nguyễn Thanh T thống nhất xác định: Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà B và ông T còn phải trả lãi cho bà T đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc B thống nhất chịu 1.775.000đồng (Một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.787.500đồng (Một triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007166 ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Hoàng Bảo